

DOANH NGHIỆP TRONG NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM

TS. Lê Quang Cảnh

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: canh@neu.edu.vn

Năng lực cạnh tranh quốc gia phụ thuộc vào nhiều yếu tố, thuộc các cấp độ khác nhau: nhóm yếu tố thuộc phạm vi quốc gia, ngành, doanh nghiệp và cá nhân. Lý thuyết về năng lực cạnh tranh quốc gia khẳng định năng suất của nền kinh tế mang tính quyết định và doanh nghiệp là tác nhân chính nâng cao năng suất thông qua cơ cấu tổ chức, quản trị, đổi mới công nghệ và sáng tạo trong doanh nghiệp. Dựa trên lý thuyết này, bài viết xem xét thực tế đóng góp của những yếu tố thuộc phạm vi doanh nghiệp kể trên đến năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. Các nghiên cứu cho thấy đóng góp của doanh nghiệp là khá mờ nhạt và đang cản trở việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra gợi ý nhằm tăng cường đóng góp của doanh nghiệp tới việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia ở Việt Nam.

Từ khóa: Năng lực cạnh tranh quốc gia, chỉ số năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp.

1. Giới thiệu

Việt Nam đã trải qua giai đoạn tăng trưởng kinh tế khá ngoạn mục. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới năm 1986, nền kinh tế Việt Nam liên tục tăng trưởng ở mức cao. Kết quả là Việt Nam đã đạt được thành tựu ấn tượng về giảm nghèo, đạt được hầu hết các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ trước thời hạn và đã trở thành nước có thu nhập trung bình. Cùng với thành tựu về kinh tế, hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế toàn cầu và khu vực đã giúp nền kinh tế Việt Nam mở rộng quan hệ thương mại, đầu tư với các nước, và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia.

Tuy nhiên, theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2012), trong ba năm gần đây xếp hạng về năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam đã tụt 16 bậc, từ bậc 59 ở năm 2010 đã tụt xuống vị trí 75 trên 144 quốc gia tham gia xếp hạng ở năm 2012. Nếu so sánh trong khu vực, năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam đứng thứ 7 trong 8 nước ASEAN tham gia xếp hạng năm 2012, hơn Cambodia.¹ Trong 12 trụ cột tính chỉ số cạnh tranh, Việt Nam bị mất điểm ở 9 lĩnh vực, trong đó trụ cột liên quan tới “trí tuệ kinh doanh” có thứ hạng khá thấp, và hầu hết các chỉ tiêu thành phần của trụ cột này có thứ

hạng trên 100. Chính vì thứ hạng yếu kém ở nhiều trụ cột, trong đó có trụ cột liên quan tới doanh nghiệp, đã khiến cho thứ hạng năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam giảm mạnh và đạt ở mức thấp so với các nước trong khu vực ASEAN. Điều này đặt vấn đề nghiêm túc cho việc Việt Nam có thể cạnh tranh với các quốc gia trong khu vực trên thị trường quốc tế và khả năng khai thác các nguồn lực cho phát triển.

Năng lực cạnh tranh của quốc gia chịu sự tác động của nhiều yếu tố, ở nhiều cấp độ khác nhau. Nói cách khác, mỗi cấp (quốc gia, ngành, doanh nghiệp và cá nhân) có tầm quan trọng quyết định tới năng lực cạnh tranh quốc gia. Bài viết này sẽ tập trung nghiên cứu vai trò của doanh nghiệp đối với việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, từ đó xem xét đóng góp của doanh nghiệp trong việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. Dựa trên kết quả phân tích này, bài viết có những đề xuất nhằm phát huy hơn nữa vai trò của doanh nghiệp nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia trong tương lai. Mục tiếp theo của bài viết sẽ đề cập tới tầm quan trọng của doanh nghiệp đối với nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Mục 3 đề cập vai trò của doanh nghiệp Việt Nam tới năng lực cạnh tranh quốc gia. Mục 4 sẽ có những đề xuất

từ phía doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

2. Các yếu tố doanh nghiệp với năng lực cạnh tranh quốc gia

Theo cách hiểu thông thường, năng lực cạnh tranh quốc gia là khả năng tạo của cải của một quốc gia nhiều hơn quốc gia khác trên thị trường thế giới. Năng lực cạnh tranh quốc gia đo lường và thể hiện tính hiệu lực của các quốc gia trong thiết lập môi trường đảm bảo việc duy trì năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế một cách bền vững (Porter, 1998). Nhân tố cốt lõi của năng lực cạnh tranh quốc gia là năng suất lao động, và tăng năng suất lao động quyết định tới nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Năng lực cạnh tranh quốc gia gần nhưng khác biệt với lợi thế so sánh của quốc gia. Lợi thế so sánh của quốc gia là yếu tố tác động nhưng không phải là yếu tố quyết định toàn bộ tới năng lực cạnh tranh của quốc gia trên thị trường quốc tế. Một quốc gia có năng suất cao sẽ có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, mức sống được nâng lên và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trên thị trường quốc tế (Shenka và Luo, 2007).

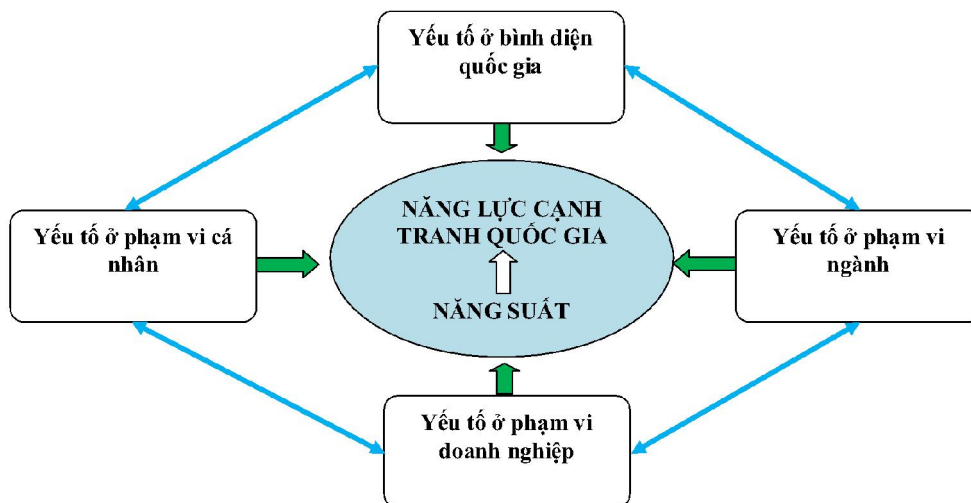
Năng lực cạnh tranh quốc gia chịu sự tác động của nhiều yếu tố, thuộc nhiều cấp độ khác nhau. Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2012) cho rằng năng lực cạnh tranh quốc gia được cụ thể hóa bằng chỉ số năng lực cạnh tranh và chỉ số này được tính toán dựa trên 12 trụ cột đó là: thể chế; cơ sở hạ tầng; môi trường kinh tế vĩ mô; y tế và giáo dục phổ thông; giáo dục bậc cao và đào tạo; hiệu quả thị trường hàng hóa; hiệu quả thị trường lao động; phát triển

thị trường tài chính; sự sẵn sàng của công nghệ; dung lượng thị trường; trí tuệ kinh doanh; và đổi mới. Trong 12 trụ cột quyết định tới chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia, vai trò của doanh nghiệp thể hiện ở nhiều trụ cột. Theo Porter (1998), có bốn nhóm yếu tố tác động tới năng lực cạnh tranh của quốc gia: các yếu tố sản xuất của quốc gia; các yếu tố quyết định cầu; công nghiệp phụ trợ và liên quan; và chiến lược cấu trúc doanh nghiệp và đối thủ cạnh tranh.

Các yếu tố tác động tới năng lực cạnh tranh quốc gia đề cập trong Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2012) hoặc Porter (1998) đều hướng tới nâng cao năng suất. Các yếu tố nâng cao năng suất này có thể được sắp xếp lại theo các cấp độ khác nhau, đó là các yếu tố thuộc bình diện quốc gia, ngành, doanh nghiệp và cá nhân. Năng lực cạnh tranh quốc gia yêu cầu sức mạnh cạnh tranh ở cả bốn cấp độ. Mỗi liên hệ giữa các nhóm yếu tố này tới năng lực cạnh tranh quốc gia được trình bày cụ thể trong Hình 1.

Shenkar và Luo (2007) cho rằng bốn nhóm nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia là không loại trừ nhau. Yếu tố ở phạm vi quốc gia tạo lập cơ sở phát triển năng lực cạnh tranh quốc gia. Những cơ sở này lại cung cấp các điều kiện về kinh tế và công nghệ có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới các yếu tố ảnh hưởng ở cấp ngành, doanh nghiệp và cá nhân quyết định tới năng lực cạnh tranh quốc gia. Chẳng hạn, hệ thống giáo dục quốc gia (yếu tố ảnh hưởng ở cấp độ quốc gia) có tác động tới bằng cấp, trình độ và kỹ năng của công nhân, kỹ sư và các nhà quản lý (yếu tố tác động ở cấp cá nhân). Ngược

Hình 1: Các yếu tố quyết định tới năng lực cạnh tranh quốc gia



Nguồn: Shenkar và Luo (2007)

lại, cán bộ quản lý nhà nước hoặc các nhà chính trị (cấp cá nhân) lại có quyền lực thay đổi các yếu tố tác động ở cấp quốc gia, ví dụ như chính sách kinh tế hay hệ thống tài chính. Trong khi các yếu tố tác động ở cấp quốc gia và ngành tạo dựng môi trường cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thì các yếu tố tác động thuộc doanh nghiệp và cá nhân lại là các yếu tố trực tiếp tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thông qua tăng năng suất. Ngoài ra, Shenkar và Luo (2007) khẳng định hiệu lực tác động của các yếu tố trên tới năng lực cạnh tranh còn phụ thuộc vào vai trò của chính phủ bởi chính phủ có thể tác động tới các yếu tố tác động ở cả bốn cấp độ kể trên.

Năng lực cạnh tranh của một nền kinh tế xuất phát từ các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Do đó, năng lực cạnh tranh quốc gia gắn chặt với các yếu tố ở cấp độ doanh nghiệp, chẳng hạn như các đặc điểm về chiến lược tổ chức, chính sách đổi mới và chiến lược hoạt động mà các doanh nghiệp đang theo đuổi. Các chiến lược, nguyên tắc và cách tiếp cận của doanh nghiệp ở quốc gia này khác biệt với doanh nghiệp ở quốc gia khác và chính điều đó đã tạo ra được lợi thế cạnh tranh cho cả quốc gia và doanh nghiệp. Theo Shenkar và Luo (2007), các yếu tố thuộc cấp độ doanh nghiệp tác động tới năng lực cạnh tranh quốc gia được đề cập trong Hình 2.

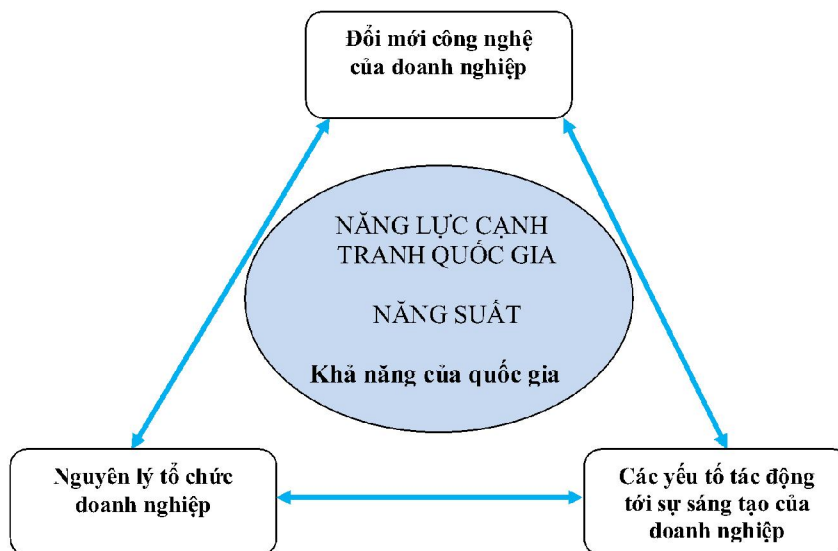
Porter (1998) và Shenkar & Luo (2007) khẳng định năng suất lao động của quốc gia hay nền kinh tế là tổng hợp năng suất của doanh nghiệp. Như vậy, vai trò của doanh nghiệp quyết định tới năng lực

cạnh tranh quốc gia được thể hiện ở những yếu tố duy trì và nâng cao năng suất của doanh nghiệp.

Nguyên tắc tổ chức và quản lý doanh nghiệp có tác động tới năng lực cạnh tranh quốc gia. Doanh nghiệp ở mỗi quốc gia có phong cách/triết lý quản lý và tổ chức khác nhau và các yếu tố này phát tán chậm chạp hơn qua biên giới quốc gia so với sự phát tán giữa cộng đồng doanh nghiệp trong nước. Điều này khiến cho các phương thức quản lý và tổ chức doanh nghiệp mang tính đặc thù cho mỗi quốc gia và tạo ra sự khác biệt trong năng lực cạnh tranh của quốc gia. Chẳng hạn, các doanh nghiệp của Nhật Bản sử dụng kiểu tổ chức đặc thù chỉ có ở Nhật khi doanh nghiệp chú trọng sản xuất (lean production), quy trình sản xuất “đúng giờ” (Just-in-time manufacturing), và quản trị chất lượng,... Chính những yếu tố tổ chức quản lý này của các doanh nghiệp giúp Nhật Bản duy trì năng lực cạnh tranh quốc gia trên thị trường quốc tế.

Đổi mới công nghệ của doanh nghiệp quyết định tới việc tăng năng suất và giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của cả quốc gia và doanh nghiệp một cách bền vững. Công nghệ được chuyển qua biên giới quốc gia theo nhiều cách như chuyển giao công nghệ, thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài, tham gia các liên minh chiến lược toàn cầu,... hoặc sự bắt trước công nghệ bởi các đối thủ cạnh tranh nước ngoài. Do đó, việc đổi mới và nâng cấp công nghệ của doanh nghiệp thường xuyên là yếu tố vững chắc đảm bảo cho việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh của chính doanh nghiệp và năng lực cạnh

Hình 2: Các yếu tố tác động ở cấp độ doanh nghiệp tới năng lực cạnh tranh quốc gia



Nguồn: Shenkar và Luo (2007)

tranh quốc gia một cách bền vững.

Doanh nghiệp còn có tác động tới môi trường kinh doanh và qua đó tác động tới năng lực cạnh tranh quốc gia. Thông thường, các doanh nghiệp không chỉ quan tâm những yếu tố thúc đẩy phát triển trực tiếp hiện có mà còn tìm kiếm hoặc phát triển những yếu tố mới. Các doanh nghiệp phải đầu tư nhằm duy trì và củng cố năng lực cạnh tranh thông qua việc tự đào tạo, nghiên cứu và xây dựng cơ sở hạ tầng dùng chung,... Các doanh nghiệp cạnh tranh thường có các chương trình đào tạo nội bộ bên cạnh một bộ phận nghiên cứu phát triển và đó là nguồn nội lực duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và ngành, và quyết định tới năng lực cạnh tranh quốc gia.

Doanh nghiệp có thể tham gia cùng với chính phủ, cơ sở giáo dục và chính quyền địa phương tạo lập và phát triển các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia (Porter, 1998). Trong mối quan hệ này, doanh nghiệp đóng hai vai trò: vừa tài trợ cho các hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu du trì và tạo lập các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia ở cấp doanh nghiệp, vừa là đơn vị đặt ra các yêu cầu cho cơ quan nhà nước, cơ sở giáo dục và chính quyền địa phương nhằm củng cố và nâng cao năng suất, duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Số lượng doanh nghiệp cạnh tranh hay nhà cung cấp có vai trò quan trọng quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp là yêu cầu cho đổi mới công nghệ, hợp tác để tạo lập những yếu tố quyết định tới năng lực cạnh tranh quốc gia. Trường hợp này có thể thấy rõ ở các doanh nghiệp ở Nhật Bản nơi có sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong cùng ngành là cực kỳ khốc liệt, và chính điều đó giúp Nhật Bản duy trì và không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trên thị trường quốc tế (xem thêm Porter, 1998).

Như vậy, doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong duy trì và nâng cao năng suất của cả nền kinh tế, từ đó giúp duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

3. Doanh nghiệp đối với nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia ở Việt Nam

Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2012) phân chia phát triển của một quốc gia thành 3 nhóm: phát triển dựa vào các yếu tố đầu vào; phát triển dựa trên hiệu quả; phát triển dựa trên đổi mới. Cách phân chia này gắn

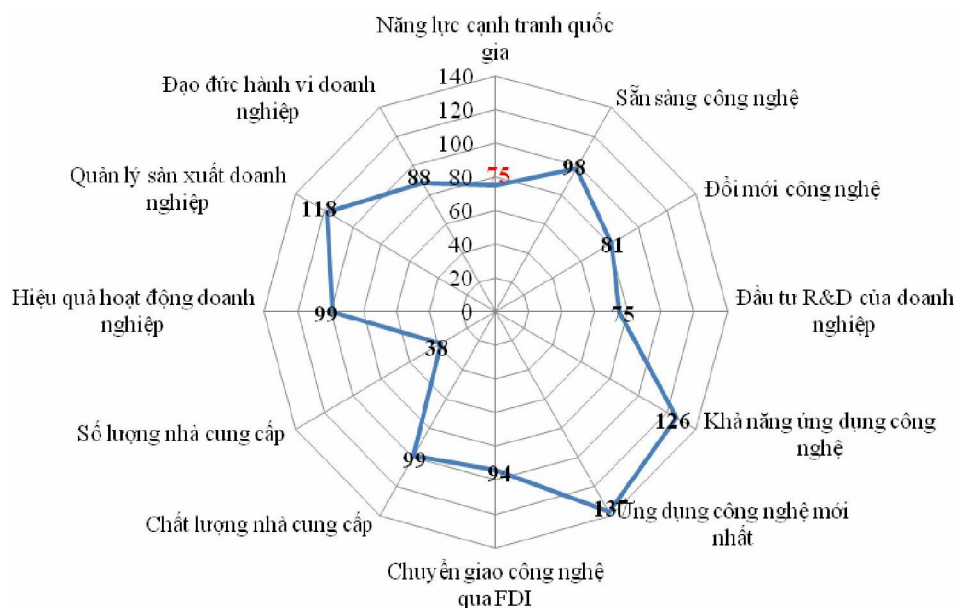
liền với năng lực cạnh tranh quốc gia: cạnh tranh quốc gia dựa trên nguồn lực, hiệu quả và đổi mới. Theo cách phân chia này, năng lực cạnh tranh quốc gia Việt Nam hiện đang chủ yếu dựa trên các yếu tố nguồn lực. Lý thuyết về năng lực cạnh tranh khẳng định rằng lợi thế cạnh tranh quốc gia dựa trên các yếu tố sản xuất là chưa đủ và còn khoảng cách khá lớn để một quốc gia có thể đạt tới khả năng cạnh tranh quốc tế.

Trong 3 lần tham gia xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu gần đây, thứ hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam đã liên tiếp tụt 16 bậc và đạt ở mức 75 trên 144 quốc gia tham gia xếp hạng. Sự tụt hạng năng lực cạnh tranh quốc gia do nhiều yếu tố tác động, trong đó có yếu tố doanh nghiệp. Hình 3 sẽ nêu rõ hơn xếp hạng của các yếu tố ở cấp doanh nghiệp tác động tới năng lực cạnh tranh quốc gia ở Việt Nam, để thấy rõ hơn vai trò của doanh nghiệp trong việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia ở Việt Nam.

Kết quả tổng hợp ở đây cho thấy rằng cộng đồng doanh nghiệp chưa thể hiện được vai trò quan trọng của mình trong việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. Hầu hết các chỉ tiêu ở cấp độ doanh nghiệp đều có thứ hạng thấp hơn thứ hạng năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đổi mới và ứng dụng công nghệ trong phạm vi doanh nghiệp ở mức thấp và đang làm suy yếu chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia Việt Nam. Theo thống kê của Cục Ứng dụng và Phát triển Khoa học Công nghệ (2010), trong 20 năm (tính từ 1991-2010), doanh nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại tăng khoảng 14,6%/năm, công nghệ có trình độ trung bình tăng 12,2%/năm và công nghệ lạc hậu tăng 9,8%/năm. Tuy nhiên, trình độ công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam còn ở mức thấp, phần lớn các doanh nghiệp vẫn sử dụng các công nghệ lạc hậu khoảng 2-3 thế hệ so với mức trung bình thế giới. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2012), chỉ số đổi mới công nghệ xếp thứ 81, trong khi khả năng ứng dụng công nghệ đứng 126, còn ứng dụng công nghệ mới nhất thì đứng thứ 137 trên 144 quốc gia. Chuyển giao công nghệ thông qua doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam ở mức thấp (94/144), trong khi chỉ số thể hiện trí tuệ của doanh nghiệp ở mức thứ hạng 100/144,... đã làm hạn chế sự chuyển giao công nghệ qua con đường đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Chính vì vậy, đổi mới và ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp chưa

Hình 3: Thứ hạng chỉ số các yếu tố ở cấp doanh nghiệp quyết định tới năng lực cạnh tranh quốc gia Việt Nam, 2012



Nguồn: Tổng hợp từ Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2012)

trở thành động lực giúp Việt Nam có những chuyển biến mạnh mẽ trong duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Quản lý và tổ chức doanh nghiệp chưa khẳng định được tính ưu việt và chưa đóng góp cho việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Thứ hạng của chỉ số quản lý sản xuất của doanh nghiệp là khá thấp so sánh với thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia cho thấy phong cách trình độ quản lý sản xuất của doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có đóng góp đáng kể cho việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, nếu không muốn nói đang làm suy yếu chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. Bên cạnh đó, chỉ số tham gia vào chuỗi giá trị và chuỗi phân phối toàn cầu của doanh nghiệp Việt Nam ở mức thấp (chỉ xếp hạng 114 và 108 trên 144 quốc gia tham gia xếp hạng). Theo Tổng cục Thống kê (2013), cơ cấu doanh nghiệp Việt Nam theo quy mô lao động ở năm 2012 chủ yếu là doanh nghiệp quy mô nhỏ với 95,7%, với trình độ quản lý và quản trị còn khác xa với những chuẩn mực và nguyên tắc quản trị doanh nghiệp quốc tế. Điều này khiến cho mô hình tổ chức và quản lý của doanh nghiệp Việt Nam chưa thể hiện rõ được vai trò quan trọng trong việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với đầu tư

và đang làm suy yếu năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo Cục quản lý Đăng ký Kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong năm 2012 có 54261 doanh nghiệp giải thể và phá sản, có khoảng 50 ngàn doanh nghiệp không hợp tác báo cáo. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), có tới 30,5% tổng số tập đoàn và tổng công ty nhà nước làm ăn thua lỗ và không có lãi. Trong số làm ăn có lãi thì 46,5% số tổng công ty có tỷ suất lợi nhuận dương nhỏ hơn 10% so với vốn chủ sở hữu (thấp hơn lãi suất trung bình trong năm 2012) và chỉ có 23% số tập đoàn và tổng công ty có lãi với tỷ suất lợi nhuận trên 10%. Rõ ràng sự hoạt động kém hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước và sự dễ tổn thương của các doanh nghiệp có quy mô nhỏ ở Việt Nam đã gây tác động tiêu cực tới năng lực cạnh tranh quốc gia.

Số lượng doanh nghiệp/nhà cung cấp trong các ngành ở Việt Nam là một điểm sáng có tác động tích cực, nhưng chất lượng của các nhà cung cấp này lại cản trở cho việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2012), chỉ số thể hiện số lượng doanh nghiệp trong ngành (hay nhà cung cấp trong ngành) của Việt Nam là khá lớn và Việt Nam đứng thứ 38/144, tuy nhiên, chất lượng của nhà cung cấp thì tương đối thấp, chỉ đứng thứ 99/144. Đó là cản trở ở cấp doanh nghiệp trong việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và do đó, cải thiện được chất

lượng của doanh nghiệp cung cấp sẽ là cơ hội tốt cho doanh nghiệp đóng góp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đổi mới và sáng tạo ở cấp doanh nghiệp chưa tương xứng với năng lực nghiên cứu và phát triển và chưa tạo trở thành trụ cột trong việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia ở Việt Nam. Theo xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2012), chỉ số sáng tạo công nghệ của doanh nghiệp và chỉ số chi tiêu cho nghiên cứu phát triển của doanh nghiệp ở năm 2012 lần lượt đứng thứ 81 và 75, giảm lần lượt là 15 và 23 bậc so với năm 2011. Đầu tư cho nghiên cứu phát triển của doanh nghiệp phần nào đó chưa tương xứng với sự sáng tạo và đổi mới ở cấp doanh nghiệp nên chỉ số sáng chế hữu ích của doanh nghiệp còn ở mức thấp. Điều này cho thấy chi đầu tư phát triển của doanh nghiệp, đổi mới và sáng tạo ở doanh nghiệp Việt Nam chưa trở thành những trụ cột quan trọng quyết định tới việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Tóm lại, các yếu tố ở cấp doanh nghiệp hay vai trò của doanh nghiệp quyết định việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia ở Việt Nam hiện còn mờ nhạt. Những khía cạnh tác động khả dĩ nhất tới năng lực cạnh tranh quốc gia là số lượng doanh nghiệp trong ngành nhưng lại bị chất lượng doanh nghiệp cung cấp cản trở; còn sáng tạo và chi phí nghiên cứu phát triển của doanh nghiệp chưa đảm nhận được vai trò duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. Trong khi đó, các yếu tố khác thuộc phạm vi doanh nghiệp như tổ chức-quản lý, đổi mới và chuyển giao công nghệ, hiệu quả hoạt động,... đang làm suy yếu chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

4. Các đề xuất và kết luận

Ở các nước phát triển và nhiều nước đang phát triển, nâng cao năng suất lao động và thông qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đặt trọng trách vào cộng đồng doanh nghiệp. Dựa trên hiệu quả hoạt động và đổi mới ở cấp doanh nghiệp, năng suất lao động của nền kinh tế không ngừng được nâng cao và giúp duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Với năng lực cạnh tranh quốc gia dựa trên yếu tố sản xuất, doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn và thách thức trong việc nâng cao năng suất và do đó làm hạn chế vai trò của cộng đồng doanh nghiệp trong việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. Từ

những phân tích về thực trạng đóng góp của doanh nghiệp tới việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia ở trên, một số ý kiến đề xuất nhằm giúp cộng đồng doanh nghiệp củng cố được vai trò của mình đối với việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia ở Việt Nam được đề cập trong phần dưới đây.

Thứ nhất, doanh nghiệp cần chú trọng đến nâng cao tính hữu ích của các nghiên cứu phát triển. Doanh nghiệp Việt Nam có chỉ số đầu tư cho nghiên cứu phát triển đáng kể, tuy nhiên chỉ số sáng chế hữu ích lại chưa tương xứng với đầu tư cho lĩnh vực này. Trong bối cảnh của Việt Nam, các doanh nghiệp có thể tập trung nghiên cứu phát triển những công nghệ mang tính định hướng phát triển, công nghệ có tác động lan tỏa, công nghệ phục vụ được cho sản xuất đời sống, còn lại có thể thực hiện qua chuyển giao.

Thứ hai, chú trọng đến chất lượng của các doanh nghiệp hơn là số lượng doanh nghiệp. Chỉ số các nhà cung cấp/doanh nghiệp ở Việt Nam là tương đối cao, đứng 38/144, nhưng chất lượng doanh nghiệp cung cấp này lại không tương xứng, chỉ số phản ánh hiệu quả hoạt động thấp,... đang cản trở việc đóng góp của doanh nghiệp vào duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Các doanh nghiệp cần tập trung cải thiện nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả hoạt động của đội ngũ lãnh đạo công ty, hơn là tăng trưởng về mặt số lượng. Điều này sẽ giúp cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia.

Thứ ba, cần nghiên cứu tăng cường tính tự đổi mới và sáng tạo trong phạm vi doanh nghiệp. Lý thuyết và thực nghiệm đều khẳng định đổi mới và sáng tạo quyết định năng suất và tính cạnh tranh của cả doanh nghiệp và quốc gia. Trong bối cảnh Việt Nam, các doanh nghiệp cần liên kết với các trung tâm nghiên cứu, trường đại học, hoặc lồng ghép trường đại học trong doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong trường đại học. Các doanh nghiệp Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm trường hợp của các doanh nghiệp Nhật Bản, chẳng hạn Yamaha trong việc lồng ghép trường đại học và Viện nghiên cứu với doanh nghiệp và ngược lại.

Thứ tư, nghiên cứu và lựa chọn mô hình tổ chức, quản lý, và quản trị theo các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp quốc tế và phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam. Tổ chức quản lý còn là điểm yếu của doanh nghiệp và làm giảm đóng góp của doanh

ngành vào việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam thời gian qua. Lựa chọn mô hình quản lý phù hợp và sử dụng các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp thích hợp sẽ giúp tăng chỉ số quản lý sản xuất doanh nghiệp, từ đó giúp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh. Mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp ở Việt Nam chủ yếu áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, và kinh nghiệm của các doanh nghiệp lớn, chiếu sáng, giấy da,... của Ý có thể là những mô hình tham khảo hữu ích. Bên cạnh đó, việc xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thông qua đạo đức hành vi của doanh nghiệp cũng là yếu tố cần nghiên cứu vận dụng phù hợp vì điều này sẽ làm tăng chỉ số đạo đức hành vi doanh nghiệp và tăng chỉ số cạnh tranh quốc gia.

Thứ năm, doanh nghiệp thận trọng sử dụng kênh chuyển giao công nghệ để tăng đóng góp của doanh nghiệp cho nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Chuyển giao công nghệ là một trong các cách thức đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, nhưng chưa được doanh nghiệp sử dụng hiệu quả, đặc biệt với vai trò của một trụ cột tác động tới năng lực cạnh tranh quốc gia. Cộng đồng doanh nghiệp cần lựa chọn công nghệ chuyển giao phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ, khả năng ứng dụng và làm chủ công nghệ chuyển giao,... từ đó có sự chuẩn bị điều kiện nhân sự phù hợp với trình độ, chuẩn bị về tài chính để đảm bảo chuyển giao được công nghệ mới phù hợp. Từ đó sẽ góp phần làm tăng chỉ số chuyển giao công nghệ, tăng chỉ số khả năng ứng dụng công

ng nghệ, và chỉ số ứng dụng công nghệ mới nhất,... và góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia.

Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia vừa là điều kiện vừa là mục tiêu phát triển của mỗi quốc gia. Có nhiều yếu tố quyết định tới năng lực cạnh tranh quốc gia ví dụ 4 nhóm yếu tố của Porter (Porter, 1998), 4 nhóm yếu tố thuộc 4 cấp độ và vai trò của Chính phủ (Shenkar và Luo, 2007), hay 12 trụ cột quyết định tới năng lực cạnh tranh quốc gia (Diễn đàn Kinh tế Thế giới, 2012). Trong các nhóm yếu tố quyết định tới năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp có vị trí quan trọng. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam, vai trò của doanh nghiệp trong việc duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia còn mờ nhạt và còn đang gây cản trở tới việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. Cải thiện các yếu tố thuộc cấp độ doanh nghiệp tác động tới năng lực cạnh tranh quốc gia bao gồm các lĩnh vực liên quan tới: tính hữu ích của nghiên cứu triển khai, chất lượng của doanh nghiệp, tính tự đổi mới và sáng tạo trong phạm vi doanh nghiệp, phát triển mô hình tổ chức quản lý, và chuyển giao công nghệ. Khi các doanh nghiệp Việt Nam làm tốt những gợi ý trên đây, chỉ số đổi mới của doanh nghiệp và chỉ số trí tuệ doanh nghiệp sẽ được cải thiện, sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. □

Chú thích:

1. Lào và Myanmar không tham gia xếp hạng.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013). Báo cáo trình Chính phủ về Hoạt động của tập đoàn và tổng công ty nhà nước năm 2012, *Hội nghị Chính phủ với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước*, ngày 16/1/2013.

2. Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2012). *Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu 2012-2013*, World Economic Forum.

3. Nguyễn Huy Cường (2013). Đánh giá doanh nghiệp bằng năng lực đổi mới công nghệ, <http://www.nhandan.com.vn/khoahoc/khoa-hoc/item/288902-.html>, truy cập ngày 7/4/2013.

4. Phạm Trần Lê (2013). Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: Những lực cản, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=114&News=6234&CategoryID=7>, truy cập 7/4/2013.

5. Porter, M. (1998). *The competitive advantage of nations*, Free Press.

6. Shenkar O. và Y. Luo (2007). *International business*, Sage Publications, Inc.

7. Tổng cục Thống kê (2013). *Báo cáo sơ bộ kết quả tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp năm 2012*, Nhà xuất bản Thống kê.